TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày 03-10-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đào Thị Nguyện

Bà Nguyễn Thị Hoài Thu

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Hoàng Văn H; nơi cư trú: Thôn Z, xã VT, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Chị Vũ Thị N (Tên gọi khác Vũ Thị L); nơi cư trú: Thôn TT, xã VA, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hoàng Văn H trình bày: Anh và chị Vũ Thị N(tên gọi khác Vũ Thị L) kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GB, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 26-6-2002. Quá trình chung sống, anh chị hoà thuận thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, Chị N thường bỏ nhà

đi không quan tâm đến gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Từ năm 2014 đến nay anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay anh H xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N .

Về con chung: Anh và chị Vũ Thị N có 01 con chung là Hoàng Đức H , sinh ngày 18-5-2013, hiện đang ở với chị N. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các văn bản tố tụng khác, bị đơn chị Vũ Thị N xác nhận về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như anh H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn do anh H chơi cờ bạc, đánh đập chị. Từ năm 2014 đến nay, anh chị sống ly thân mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay anh H xin ly hôn, chị không đồng ý.

Về con chung: Chị và anh Hoàng Văn H có 01 con chung là Hoàng Đức H , sinh ngày 18-5-2013, hiện đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng từ 02 đến 03 triệu đồng.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn đã chấp hành yêu cầu của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án như việc giao nộp chứng cứ, tham gia phiên họp, phiên hòa giải theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật như không tham gia phiên họp, phiên hòa giải. Tuy nhiên, việc bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho anh

Hoàng Văn H được ly hôn với chị Vũ Thị N(tên gọi khác Vũ Thị L). Về con chung: Giao con chung Hoàng Đức H, sinh ngày 18-5-2013 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Anh H và chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Chị Vũ Thị N (Tên gọi khác Vũ Thị L) có hộ khẩu thường trú tại thôn TT, xã VA, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa anh Hoàng Văn H và chị Vũ Thị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, anh Hoàng Văn H và chị Vũ Thị N đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Hoàng Văn H, bị đơn chị Vũ Thị N .

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn H và chị Vũ Thị N(tên gọi khác Vũ Thị L) kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã GB, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 26-6-2002 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị hoà thuận đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, luôn bất đồng quan điểm sống nên đã xảy ra xô sát, bất hòa. Từ năm 2014 đến nay, anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay anh H nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N . Quá trình giải quyết vụ án, chị N không đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu của anh Hoàng Văn H xin ly hôn với chị Vũ Thị N phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh Hoàng Văn H và chị Vũ Thị N có 01 con chung là Hoàng Đức H, sinh ngày 18-5-2013. Khi ly hôn, anh H và chị N cùng đề nghị Tòa án giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét sự thỏa thuận nuôi con của

anh chị là tự nguyện, mặt khác con chung hiện tại đang ở với chị N được chị chăm sóc chu đáo. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con, cần chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị, giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng từ 02 đến 03 triệu đồng. Xét mức thu nhập thực tế của anh H và nhu cầu thiết yếu của con chung hiện nay, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị N đối với anh H là cao so với thực tế. Vì vậy, căn cứ vào khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của con chung hiện nay, cần chấp nhận yêu cầu của anh H , hàng tháng anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), khoản cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 10/2019 là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Anh Hoàng Văn H và chị Vũ Thị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, anh Hoàng Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn H được ly hôn với chị Vũ Thị N (tên gọi khác Vũ Thị L).

2. Về con chung: Giao con chung Hoàng Đức H, sinh ngày 18-5-2013 cho chị Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Hoàng Văn H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời hạn nuôi con, thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 10/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung: Anh Hoàng Văn H và chị Vũ Thị N (tên gọi khác Vũ Thị L) không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Hoàng Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh H đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001483 ngày 24 tháng 6 năm 2019. Anh Hoàng Văn H còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- UBND xã GB huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương Huyền